

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 4816/2024/DS-ST  
Ngày: 30/9/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Lượng
- Ông Huỳnh Tiến Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thủ Đức** tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 1154/2024/TLST – DS ngày 30 tháng 5 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6534/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7471/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1973, địa chỉ: Số H Đường số H, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Giấy ủy quyền số 120/2024/UQ-TGD ngày 03/01/2024) (có yêu cầu vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Triệu Quốc H, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C Hồ V, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cùng các lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền thì nội dung vụ án như sau:*

Ngày 16/4/2020, ông H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). 07/5/2020, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông H với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng. Mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Sau khi nhận thẻ thì ông H đã thực hiện các giao dịch. Từ ngày 23/9/2022 thì ông H không thanh toán bất cứ khoản vốn lãi nào cho Ngân hàng, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng với số tiền nợ gốc 18.199.536 đồng từ ngày 22/02/2023.

Tính đến ngày 24/7/2024, ông H còn nợ các khoản sau: Dư nợ gốc 18.199.536 đồng, lãi quá hạn 13.818.330 đồng. Tổng cộng 32.017.866 đồng.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Triệu Quốc H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/7/2024 là 32.017.866 đồng, trong đó: Nợ gốc là 18.199.536 đồng, lãi quá hạn 13.818.330 đồng. Ông Triệu Quốc H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

*Bị đơn ông Triệu Quốc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập. Tuy nhiên, ông H vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu gì.*

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Nguyễn Minh T có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Triệu Quốc H vắng mặt tại phiên tòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc yêu cầu ông Triệu Quốc H thanh toán cho Ngân hàng số tiền 33.729.426đồng, trong đó nợ gốc 18.199.536đồng và nợ lãi tính đến ngày 30/9/2024 là 15.529.890đồng.

Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Triệu Quốc H hiện cư trú tại thành phố T, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Triệu Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Nên căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Nguyễn Minh T đại diện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Ngày 16/4/2020, ông Triệu Quốc H có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với nội dung ông H đăng ký phát hành thẻ mới và ông H xác nhận đã đọc và ràng buộc bởi Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S. Điều khoản, điều kiện cùng với Giấy đề nghị tạo thành Hợp đồng phát hành thẻ và sử dụng thẻ tín dụng giữa ông H và S1. Ngày 07/5/2020, Ngân hàng TMCP S đã duyệt hạn mức tín dụng 15.000.000đồng.

Thực hiện hợp đồng, ngày 15/5/2022, ông H đã ký nhận thẻ VS PayWave Cre Classic, số thẻ: 472074-9566 với số tiền hạn mức 15.000.000đồng. Ông H đã thực hiện các giao dịch và thanh toán cho Ngân hàng. Từ ngày 23/9/2022, ông H đã không thanh toán bất cứ khoản gốc và lãi nào cho Ngân hàng. Như vậy, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Đến ngày 23/01/2023, Ngân hàng chuyển toàn bộ nợ của ông H sang nợ quá hạn với số tiền nợ gốc là 18.199.536đồng là phù hợp với Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Về tiền lãi, theo quy định tại mục 1.24 Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì mức lãi suất mà S1 áp dụng đối với các khoản cấp tín dụng thông qua hình thức phát hành thẻ bao gồm lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn. Lãi suất trong hạn là lãi suất được S1 công bố theo Biểu phí trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.

Theo Quyết định số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28/10/2022 của Ngân hàng S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam thì mức lãi suất đối với thẻ tín dụng nội địa là 33.24%/năm. Ngân hàng áp dụng mức lãi suất 33.24%/năm là phù hợp với thỏa thuận của các bên. Như vậy, mức lãi suất quá hạn = 150% lãi suất trong hạn = 49.86%/01 năm.

Ngân hàng yêu cầu tính lãi quá hạn từ ngày 23/01/2023 với mức lãi suất 48,6%/01 năm là phù hợp với sự thỏa thuận của hai bên.

Như vậy, tiền lãi từ ngày 23/02/2023 đến ngày 30/9/2024 là 15.529.890đồng.

Ông H đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng nhưng ông H không đến Tòa và cũng không có văn bản trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không có yêu cầu gì trong vụ án.

Từ những phân tích ở trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Triệu Quốc H thanh toán số tiền 33.729.426đồng, trong đó nợ gốc 18.199.536đồng và nợ lãi tính đến ngày 30/9/2024 là 15.529.890đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Triệu Quốc H phải chịu trên số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP S.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;
- Luật Phí, lệ phí năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Ông Triệu Quốc H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 33.729.426đồng, trong đó nợ gốc 18.199.536đồng và nợ lãi tính đến ngày 30/9/2024 là 15.529.890đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/4/2020 của ông Triệu Quốc H được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 07/5/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Triệu Quốc H còn phải chịu tiền lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 16/4/2020 của ông Triệu Quốc H được Ngân hàng TMCP S phê duyệt ngày 07/5/2020, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S và Biểu phí trong từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Triệu Quốc H phải nộp số tiền 1.686.471đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 668.304 đồng theo Biên lai thu số 0027215 ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008(sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh**